ỦY BAN NHÂN DÂN **XÃ BẮC THỤY ANH** Số: 11 /KH-UBND	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bắc Thụy Anh, ngày 20 tháng 01 năm 2026

KẾ HOẠCH
Thực hiện chuyển đổi số trên địa bàn xã Bắc Thụy Anh năm 2026

Căn cứ Kế hoạch 155/KH-UBND ngày 30/12/2025 của Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh về việc thực hiện Chuyển đổi số tỉnh Hưng Yên năm 2026; Căn cứ các văn bản của Uỷ ban nhân dân tỉnh: Quyết định số 719/QĐ-UBND ngày 27/8/2025 ban hành Chương trình phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2025-2030, tầm nhìn đến năm 2045; Kế hoạch số 102/KH-UBND ngày 19/5/2025 về việc thực hiện Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia. Ủy ban nhân dân xã Bắc Thụy Anh ban hành Kế hoạch triển khai chuyển đổi số năm 2026 với các nội dung sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Bám sát các chủ trương, mục tiêu, nhiệm vụ về chuyển đổi số tại các Nghị quyết, Kế hoạch, Quyết định của Tỉnh ủy, Uỷ ban nhân dân tỉnh và điều kiện thực tế của địa phương để triển khai, thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp chuyển đổi số phù hợp với mục tiêu, định hướng của tỉnh, góp phần xây dựng Chính quyền số, phát triển kinh tế số và xã hội số tại địa phương; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, cải cách thủ tục hành chính, phục vụ người dân, doanh nghiệp.

Nâng cao năng lực chỉ đạo, điều hành, đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao các chỉ số cạnh tranh, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, đáp ứng yêu cầu phục vụ người dân và doanh nghiệp, phục vụ sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh, quốc phòng trên địa bàn xã.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Phát triển hạ tầng số

Ủy ban nhân dân xã phối hợp với đơn vị chủ trì:

- Xây dựng và phát triển hạ tầng số với công nghệ mới nhất cho các khu vực trọng điểm (khu công nghiệp...).

- Duy trì Mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước mạng đảm bảo thông suốt, hoạt động ổn định đến 100% cơ quan nhà nước từ cấp tỉnh đến cấp xã.

- Đầu tư, nâng cấp, duy trì hoạt động của hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin của các ngành, lĩnh vực.

b) Phát triển Chính quyền số

- 100% văn bản điện tử được ký số đầy đủ theo quy định của nhà nước (trừ văn bản mật thuộc phạm vi bí mật nhà nước) khi gửi, nhận trên môi trường mạng.

- 100% văn bản, hồ sơ công việc được xử lý toàn trình trên môi trường điện tử của các cơ quan hành chính nhà nước tại địa phương.

- 70% hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước).

- 100% công tác báo cáo, các chỉ tiêu tổng hợp báo cáo định kỳ và báo cáo thống kê về kinh tế - xã hội phục vụ chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo xã (không bao gồm nội dung mật) được tạo lập, cập nhật, lưu giữ, trên hệ thống thông tin báo cáo cấp xã.

- Tiếp tục thực hiện số hóa hồ sơ, tài liệu, thực hiện toàn bộ các hoạt động xử lý hồ sơ, công việc, giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công, các ứng dụng tiện ích chất lượng cao phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của các cơ quan trong hệ thống chính trị tại địa bàn xã phục vụ cán bộ, công chức, người dân, doanh nghiệp trên môi trường số.

- 70% cuộc giám sát, kiểm tra của cơ quan quản lý được thực hiện qua môi trường mạng (bằng hình thức báo cáo và trực tiếp trên các hệ thống thông tin dùng chung của tỉnh).

- Thực hiện xác thực điện tử bằng chữ ký số để đảm bảo an toàn thông tin, dữ liệu trong các giao dịch của hoạt động công vụ trên môi trường số, qua đó nâng cao độ tin cậy của dữ liệu và tăng tính công khai, minh bạch.

c) Cung cấp thông tin, dịch vụ công phục vụ người dân và doanh nghiệp

- 90% thủ tục hành chính được cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số thủ tục hành chính có đủ điều kiện.

- Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính được giải quyết bằng hình thức trực tuyến toàn trình đạt từ 80% trở lên (đối với các thủ tục hành chính cung cấp trực tuyếntoàn trình); trên 90% người dân, doanh nghiệp hài lòng về việc giải quyết thủ tục hành chính.

- Tỷ lệ người dân và doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến được định danh và xác thực thông suốt, hợp nhất giữa các nền tảng, hệ thống cung cấp dịch vụ công trực tuyến, hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính thông qua định danh điện tử VNeID đạt 100%.

- Tỉ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính đạt 100%.

- Tỉ lệ cấp kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử đạt 100%.

- Tỉ lệ thanh toán trực tuyến trong giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công đạt 100%.

- Cổng thông tin điện tử của xã cung cấp đầy đủ thông tin theo quy định tại Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng.

d) Phát triển nền tảng số

- Triển khai các nền tảng số thông minh trong các ngành, lĩnh vực: du lịch, nông nghiệp, sản xuất, logistics, thương mại điện tử, giáo dục - y tế, môi trường.

- Tiếp tục phát triển, nâng cấp Nền tảng kết nối, chia sẻ dữ liệu cấp tỉnh (LGSP) để kết nối, chia sẻ dữ liệu các hệ thống thông tin của tỉnh với các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của quốc gia và của các bộ, ngành Trung ương.

- Phát triển ứng dụng trí tuệ nhân tạo dựa trên dữ liệu lớn đối với các ngành, lĩnh vực quan trọng của tỉnh.

- Xây dựng danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh. Cung cấp 100% dữ liệu mở theo kế hoạch đã ban hành. Tích hợp, liên thông các cơ sở dữ liệu (dân cư, đất đai, doanh nghiệp…) trên nền tảng chung, tích hợp với AI, hạn chế trùng lặp, phân tán dữ liệu.

- Ứng dụng công nghệ giải quyết vấn đề môi trường, xã hội: Áp dụng giải pháp công nghệ (IoT, AI, GIS…) trong giám sát môi trường, quản lý tài nguyên.

e) Phát triển kinh tế số, xã hội số

UBND xã thực hiện phối hợp với cơ quan chủ trì:

* Hỗ trợ doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, hộ kinh doanh tiếp cận, ứng dụng các giải pháp số (quản lý, marketing, vận hành, kế toán, thanh toán không dùng tiền mặt, thương mại điện tử…).

- Khuyến khích doanh nghiệp tham gia các chuỗi cung ứng số, xuất khẩu sản phẩm, dịch vụ thông qua nền tảng số toàn cầu.

- Xây dựng sàn thương mại điện tử hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm địa phương, kết nối doanh nghiệp trong nước và quốc tế.

- Triển khai các công cụ phân tích dữ liệu (Big Data, AI) để dự báo, đánh giá thị trường, nâng cao hiệu quả marketing.

- Phát triển thanh toán số, thúc đẩy kinh tế số, xã hội số, nâng cao năng lực cạnh tranh.

- Tỉ lệ giao dịch không dùng tiền mặt đạt tối thiểu 80%.

- Tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch tại ngân hàng hoặc các tổ chức được phép khác đạt tối thiểu 95%.

- Tỉ lệ dân số trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân đạt tối thiểu 60%.

- Tỉ lệ người dân có Sổ sức khỏe điện tử đạt tối thiểu 95%.

f) Đảm bảo an toàn thông tin, phát triển nguồn nhân lực, đào tạo, tập huấn và tuyên truyền

- Nâng cấp, hoàn thiện hạ tầng trang thiết bị bảo mật cho các hệ thống thông tin đáp ứng yêu cầu về An toàn thông tin theo quy định.

- Tăng cường năng lực giám sát, cảnh báo sớm, ứng cứu sự cố an ninh mạng. Xây dựng kế hoạch ứng phó sự cố.

- 100% cán bộ, công chức, viên chức được tập huấn, bồi dưỡng cơ bản về kỹ năng số, an toàn thông tin.

II. NHIỆM VỤ

1. Nâng cao nhận thức số

a. Tiếp tục thực hiện tuyên truyền, nâng cao nhận thức về chuyển đổi số đến người dân thông qua các phương tiện thông tin đại chúng (truyền thanh, truyền hình, báo điện tử, mạng xã hội, ...)

b. Tổng hợp những cách làm điển hình về chuyển đổi số của cơ quan nhà nước, doanh nghiệp, người dân trên địa bàn xã để thực hiện tuyên truyền, phổ biến, nhân rộng những mô hình hiệu quả về thực hiện chuyển đổi số.

2. Xây dựng thể chế số

a. Cập nhật Khung kiến trúc số phù hợp với Khung kiến trúc tổng thể của tỉnh Hưng Yên.

b. Thường xuyên rà soát, kiện toàn Ban Chỉ đạo phát triển khoa học kỹ thuật, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số cấp xã để triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số trên địa bàn.

3. Hạ tầng kỹ thuật

a. Bổ sung, nâng cấp hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin trong nội bộ: trang thiết bị công nghệ thông tin; hạ tầng mạng LAN; mạng Internet tốc độ cao;... đảm bảo các điều kiện cần thiết sẵn sàng cho triển khai ứng dụng các nền tảng số.

b. Phối hợp với cơ quan chủ trì duy trì Trung tâm giám sát, điều hành thông minh tỉnh (IOC); Trung tâm giám sát và điều phối an toàn thông tin (SOC).

c. Phối hợp duy trì hệ thống Hội nghị truyền hình trực tuyến của tỉnh đảm bảo hoạt động ổn định, thông suốt.

d. Phối hợp duy trì Mạng truyền số liệu chuyên dùng cấp II của tỉnh, kết nối các cơ quan nhà nước các cấp trên địa bàn tỉnh để khai thác các hệ thống thông tin dùng chung phục vụ công tác chỉ đạo và điều hành...

4. Dữ liệu số

Lập kế hoạch số hóa hồ sơ lưu trữ cấp xã: ưu tiên hồ sơ TTHC, hồ sơ nhân sự, hồ sơ đất đai, hồ sơ tài chính…tạo lập kho dữ liệu dùng chung của xã và tổ chức dữ liệu mở phục vụ xã hội.

5. Nền tảng số

a. Đảm bảo tích hợp, liên thông dữ liệu với nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu của tỉnh (LGSP) thông qua UBND tỉnh và Sở KH&CN.

b. Cài đặt, duy trì hệ thống email công vụ, kết nối với hệ thống văn bản điện tử cấp xã cấp tỉnh, ứng dụng công nghệ trí tuệ nhân tạo để nâng cao chất lượng giải quyết công việc của cán bộ, công chức.

6. Nhân lực số

a. Tổ chức bồi dưỡng, tập huấn cho cán bộ, công chức, viên chức; người dân trên địa bàn xã về kiến thức và kỹ năng số cơ bản, chú trọng tới bồi dưỡng, tập huấn các kỹ năng ứng dụng, sử dụng các nền tảng số và an toàn thông tin.

b. Tổ chức các hội nghị, hội thảo về chuyển đổi số với các chuyên đề thiết thực, hiệu quả phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.

c. Tăng cường tuyên truyền nâng cao nhận thức, thay đổi thói quen sử dụng các hình thức truyền thống sang hình thức sử dụng các nền tảng số, kỹ năng bảo đảm an toàn thông tin trong các giao dịch điện tử của người dân, doanh nghiệp.

d. Ứng dụng các nền tảng số đào tạo trực tuyến do các Bộ, các doanh nghiệp số phát triển để thực hiện công tác đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao nghiệp vụ về chuyên môn, về công nghệ thông tin, an toàn thông tin.

7. An toàn thông tin mạng

a. Lập hồ sơ đánh giá cấp độ an toàn thông tin cho các hệ thống thông tin đang triển khai; thực hiện các biện pháp bảo đảm theo cấp độ theo quy định của Nghị định số 85/2016/NĐ-CP.

b. Đầu tư trang thiết bị bảo mật và thuê dịch vụ an toàn thông bảo mật cơ bản: tường lửa, sao lưu định kỳ, phần mềm diệt virus, phương án ứng cứu sự cố công nghệ thông tin. Tập huấn cán bộ, công chức về nhận diện email giả mạo, quản lý mật khẩu, bảo vệ dữ liệu cá nhân.

c. Xây dựng và triển khai kế hoạch tổ chức tuyên truyền, nâng cao nhận thức và phổ biến kiến thức, kỹ năng bảo đảm an toàn thông tin cho các cán bộ, công chức, viên chức, người dân, doanh nghiệp.

8. Phát triển Chính quyền số

a. Triển khai 100% văn bản, hồ sơ giải quyết công việc trên môi trường điện tử áp dụng chữ ký số theo quy định; Văn phòng UBND xã chủ trì triển khai mẫu quy trình xử lý văn bản điện tử.

b. Chuẩn hóa, đơn giản hoá quy trình nghiệp vụ cho 100% thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền xã; hoàn thiện danh mục thủ tục cung cấp trực tuyến và đăng tải lên Cổng Dịch vụ công cấp tỉnh.

c. Triển khai cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3-4 cho các thủ tục thiết yếu (đăng ký khai sinh, hộ tịch, đất đai, xây dựng, chứng thực, hỗ trợ nông nghiệp...) trên hệ thống giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh giúp người dân, tổ chức thực hiện các dịch vụ công trực tuyến nhanh hơn, thông tin, dữ liệu dễ dàng

được tham chiếu, kiểm chứng, người dân không phải cung cấp lại thông tin nhiều lần cho cơ quan nhà nước.

d. Tiếp tục duy trì việc đánh giá chỉ số chuyển đổi số của địa phương trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

9. Phát triển Kinh tế số

a. Phối hợp cơ quan đơn vị chủ trì triển khai các chương trình hỗ trợ hộ nông dân, HTX, hộ kinh doanh triển khai gian hàng số/ứng dụng thương mại điện tử để tiêu thụ sản phẩm;

b. Khuyến khích hình thành ít nhất 01 mô hình số hóa đầu cuối (ví dụ: truy xuất nguồn gốc nông sản, cửa hàng số, du lịch cộng đồng) làm điểm để nhân rộng

10. Phát triển Xã hội số

a. Đẩy mạnh tuyên truyền trên các phương tiện truyền thông đến người dân và doanh nghiệp về các lợi ích đem lại khi ứng dụng các nền tảng số trong mọi mặt kinh tế - xã hội.

b. Hướng dẫn người dân sử dụng các ứng dụng trực tuyến như Nền tảng học trực tuyến mở đại trà để tiếp cận, học tập, phát triển, ứng dụng các kỹ năng số trong mọi mặt đời sống xã hội.

c. Đẩy mạnh hoạt động của các Tổ công nghệ số cộng đồng cấp xã và thôn. Trong đó Tổ công nghệ số cộng đồng tiếp tục hướng dẫn người dân các kỹ năng số cơ bản, tiêu biểu như: (1) Sử dụng dịch vụ công trực tuyến; (2) Mua sắm trực tuyến gắn với bảo vệ dữ liệu cá nhân; (3) Thanh toán trực tuyến an toàn; (4) Tự bảo vệ mình trên không gian mạn; (5) Sử dụng nền tảng số đặc thù của địa phương trong các lĩnh vực: Nông nghiệp, Du lịch, Logistics, Y tế, Giáo dục,…

III. GIẢI PHÁP

1. Đẩy mạnh công tác truyền thông, nâng cao nhận thức, kỹ năng số, tăng cường tương tác với người dân, doanh nghiệp

a. Đẩy mạnh công tác truyền thông về vị trí, vai trò, tầm quan trọng của chuyển đổi số, xây dựng chính quyền số, kinh tế số, xã hội số trong cán bộ, công chức, viên chức và nhân dân với nhiều hình thức tuyên truyền như: xây dựng chuyên trang, chuyên mục, mạng xã hội, phóng sự truyền thành truyền hình, tọa đàm, hội thảo và các giải pháp truyền thông hiện đại để tuyên truyền rộng rãi các hoạt động ứng dụng và phát triển CNTT của tỉnh; nâng cao nhận thức, thay đổi thói quen hành vi, tạo sự đồng thuận của người dân, doanh nghiệp về chuyển đổi số, xây dựng chính quyền số, kinh tế số, xã hội số.

b. Ứng dụng các kênh truyền thông đa dạng để nâng cao nhận thức, hình thành văn hóa số cho người dân, tạo điều kiện tiếp cận các dịch vụ số; đưa nội dung đào tạo kỹ năng số vào chương trình giảng dạy trong trường học; xây dựng, ứng dụng các nền tảng đào tạo kỹ năng số cho người dân, doanh nghiệp.

2. Phát triển các mô hình kết hợp giữa các cơ quan nhà nước, doanh nghiệp

a. Tiếp tục phối hợp với các doanh nghiệp để cung cấp dịch vụ công phục vụ người dân và doanh nghiệp, như: Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính; tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích trên nhiều nền tảng số khác nhau.

b. Thực hiện gắn kết chặt chẽ giữa cải cách thủ tục hành chính với phát triển Chính quyền số; rà soát các thủ tục hành chính, quy trình nghiệp vụ trong các cơ quan nhà nước theo hướng đơn giản hóa hoặc thay đổi phù hợp để có thể ứng dụng hiệu quả công nghệ số; rà soát loại bỏ một số thủ tục hành chính, quy trình nghiệp vụ khi ứng dụng công nghệ số.

3. Nghiên cứu, hợp tác để làm chủ, ứng dụng hiệu quả các công nghệ

a. Triển khai nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ mới, các giải pháp tích hợp, ứng dụng, sản phẩm CNTT phục vụ xây dựng Chính quyền số, kinh tế số, xã hội số.

b. Chủ động hợp tác với các doanh nghiệp viễn thông và CNTT để triển khai hạ tầng kỹ thuật, ứng dụng và phát triển công nghệ hiện đại.

4. Thu hút nguồn lực công nghệ thông tin

a. Ưu tiên sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước và huy động các nguồn vốn hợp pháp khác nhằm đa dạng hóa nguồn lực để phát triển chính quyền số; tăng cường thực hiện giải pháp thuê dịch vụ CNTT.

b. Ưu tiên bố trí đầu tư công để thực hiện các dự án phát triển hạ tầng, cơ sở dữ liệu, nền tảng, các ứng dụng, dịch vụ của xã.

c. Khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư cho ứng dụng CNTT, chuyển đổi số để nâng cao năng lực cạnh tranh, đổi mới phương thức quản lý, nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm.

5. Giải pháp tổ chức, triển khai

a. Tăng cường hoạt động Ban Chỉ đạo phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số xã trong công tác chỉ đạo, thường xuyên kiểm tra, đôn đốc, theo dõi, chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ chung về chuyển đổi số.

b. Nâng cao vai trò, trách nhiệm của Lãnh đạo các cơ quan, đơn vị địa phương, phát huy tối đa vai trò quản lý nhà nước, tổ chức triển khai ứng dụng công nghệ thông tin tại các cơ quan, đơn vị địa phương.

c. Tiếp tục kiện toàn và nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ chuyên trách công nghệ thông tin về đảm bảo an toàn thông tin mạng, phòng chống tấn công mạng, ứng cứu sự cố an ninh mạng tại các cơ quan nhà nước trên địa bàn xã.

d. Tăng cường xây dựng các giải pháp cụ thể để đưa chuyển đổi số đến tay người sản xuất để người sản xuất có thể tự thao tác; đơn giản hoá thao tác để người sản xuất có thể sử dụng được những dịch vụ, nền tảng số.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí thực hiện Kế hoạch từ nguồn ngân sách địa phương theo phân cấp ngân sách hiện hành, nguồn huy động, đóng góp, tài trợ và các nguồn kinh phí hợp pháp khác (nếu có).

V. DANH MỤC CHỈ TIÊU, NHIỆM VỤ, DỰ ÁN

(Chi tiết các chỉ tiêu, nhiệm vụ, dự án thực hiện năm 2026 tại Phụ lục kèm theo)

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Văn hóa - Xã hội xã

a. Có trách nhiệm tham mưu, hướng dẫn, đôn đốc, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch này; định kỳ 6 tháng báo cáo Uỷ ban nhân dân xã kết quả thực hiện về chuyển đổi số trên địa bàn xã.

b. Chủ trì xây dựng các kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ chuyên trách về công nghệ thông tin; xây dựng các chương trình nâng cao nhận thức, phổ cập kiến thức về công nghệ thông tin cho các lãnh đạo, cán bộ, công chức, viên chức trong xã, hướng dẫn quy trình tạo lập, chuẩn hóa hồ sơ điện tử của cấp xã.

c. Chủ trì xây dựng nội dung các tin, bài viết, video,... về chuyển đổi số để tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên hệ thống truyền thanh cơ sở và các nền tảng mạng xã hội.

2. Văn phòng HĐND & UBND xã

- Tham mưu Uỷ ban nhân dân xã triển khai các nhiệm vụ: quản lý văn bản điện tử, tiếp nhận hồ sơ, phối hợp triển khai các dự án, báo cáo định kỳ công tác chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo xã.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan đơn vị liên quan nâng cao hiệu quả hoạt động của Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính.

3. Trung tâm Phục vụ hành chính công xã

a. Chủ trì cung cấp, cập nhật đầy đủ danh mục TTHC hiện hành tại Trung tâm phục vụ HCC của xã để phục vụ người dân và doanh nghiệp.

b. Phối hợp các cơ quan chủ trì thực hiện rà soát các thủ tục hành chính đủ điều kiện được cung cấp dưới hình thức dịch vụ công trực tuyến toàn trình và ban hành danh mục thủ tục hành chính được cung cấp trực tuyến toàn trình (tiếp nhận hồ sơ và giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính đều được thực hiện trên môi trường mạng, việc trả kết quả được thực hiện trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích) trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh. Có các giải pháp hướng dẫn, hỗ trợ người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến thiết thực, hiệu quả.

4. Phòng Kinh tế xã

a. Căn cứ vào nguồn ngân sách được cấp trên giao, tham mưu cho UBND xã đảm bảo kinh phí thực hiện Kế hoạch theo quy định của Luật NSNN và các quy định pháp luật hiện hành.

b. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thúc đẩy phát triển thương mại điện tử, chuyển đổi số, đặc biệt là thương mại điện tử hỗ trợ bà con nông dân đưa các sản phẩm nông nghiệp quảng bá, giới thiệu, bán trên các sàn thương mại điện tử.

5. Công an xã

Chủ trì, tổ chức triển khai thực hiện các nội dung thuộc Đề án 06, đảm bảo an toàn thông tin mạng, an toàn an ninh mạng các hệ thống thông tin quan trọng của xã.

6. Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam xã, các ban ngành, đoàn thể; Trạm Y tế, các Nhà trường trên địa bàn xã

a. Người đứng đầu cơ quan, đơn vị chỉ đạo quyết liệt việc ứng dụng chuyển đổi số trong thực hiện nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị. Thực hiện sử dụng chữ ký số để ký số đối với kết quả giải quyết thủ tục hành chính, văn bản điện tử; Tăng cường cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến theo quy định tại Nghị định số 42/2022/NĐ-CP.

b. Phối hợp tuyên truyền, triển khai các nền tảng y tế, giáo dục số, hướng dẫn người dân sử dụng dịch vụ, đảm bảo tuân thủ các quy định của nhà nước và Kiến trúc số tỉnh Hưng Yên.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện chuyển đổi số trên địa bàn xã Bắc Thụy Anh năm 2025. Đề nghị các phòng, ban, ngành đoàn thể, đơn vị nghiêm túc thực hiện./.

Nơi nhận:
- UBND tỉnh Hưng Yên;
- Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Hưng Yên;
- Chủ tịch, các PCT UBND xã;
- Các phòng, ban, ngành, đoàn thể xã;
- Các nhà trường, trạm y tế, cơ sở thôn;
- Lưu: VT, VHXH.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

U.B.N.D XÃ BẮC THỤY ANH T.HƯNG YÊN

Đào Viết Dự

Phụ lục

DANH MỤC CÁC CHỈ TIÊU THỰC HIỆN CHUYỂN ĐỔI SỐ XÃ BẮC THỤY ANH NĂM 2026

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày /01 /2065 của Ủy ban nhân dân xã)

TT	Chỉ tiêu thực hiện	Chủ trì, theo dõi, đôn đốc	Phối hợp
1	Tiếp tục hoàn thiện chính sách phục vụ chuyển đổi số trong hoạt động của cơ quan nhà nước tỉnh Hưng Yên.	UBND xã	
2	Duy trì Mạng truyền số liệu chuyên dùng cấp II của tỉnh kết nối các cơ quan nhà nước các cấp trên địa bàn tỉnh		UBND xã
3	Đầu tư, nâng cấp, duy trì hoạt động hạ tầng kỹ thuật, hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của các ngành, lĩnh vực	UBND xã	
4	100% văn bản điện tử gửi, nhận trên môi trường mạng được ký số đầy đủ theo quy định của nhà nước (trừ văn bản mật thuộc phạm vi bí mật nhà nước)	UBND xã	
5	100% hồ sơ công việc tại cấp tỉnh; 70% hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước).	UBND xã	
6	100% công tác báo cáo, các chỉ tiêu tổng hợp báo cáo định kỳ và báo cáo thống kê về kinh tế - xã hội phục vụ chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo tỉnh (không bao gồm nội dung mật) được tạo lập, cập nhật, lưu giữ, trên hệ thống thông tin báo cáo cấp tỉnh	UBND xã	
7	Tiếp tục thực hiện số hóa hồ sơ, tài liệu, thực hiện toàn bộ các hoạt động xử lý hồ sơ, công việc, giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công, các ứng dụng tiện ích chất lượng cao phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của các cơ quan trong hệ thống chính trị tại địa bàn tỉnh phục vụ cán bộ, công chức, người dân, doanh nghiệp trên môi trường số	UBND xã	

8	70% cuộc giám sát, kiểm tra của cơ quan quản lý được thực hiện qua môi trường mạng (bằng hình thức báo cáo và trực tiếp trên các hệ thống thông tin dùng chung của tỉnh).	UBND xã	
9	Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính được giải quyết bằng hình thức trực tuyến toàn trình đạt từ 80% trở lên (đối với các thủ tục hành chính cung cấp trực tuyến toàn trình); trên 90% người dân, doanh nghiệp hài lòng về việc giải quyết thủ tục hành chính.	UBND xã	
10	Tỷ lệ người dân và doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến được định danh và xác thực thông suốt, hợp nhất giữa các nền tảng, hệ thống cung cấp dịch vụ công trực tuyến, hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính thông qua định danh điện tử VNeID đạt 100%	UBND xã	
11	- Tỉ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính đạt 100% - Tỉ lệ cấp kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử đạt 100%	UBND xã	
12	Tỉ lệ thanh toán trực tuyến trong giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công đạt 100%	UBND xã	
13	100% cổng/trang thông tin điện tử của cơ quan nhà nước tỉnh Hưng Yên cung cấp đầy đủ thông tin theo quy định tại Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng.	UBND xã	
14	- Tỉ lệ giao dịch không dùng tiền mặt đạt tối thiểu 80% - Tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch tại ngân hàng hoặc các tổ chức được phép khác đạt tối thiểu 95%		
15	Tỉ lệ người dân có Sổ sức khỏe điện tử đạt tối thiểu 95%		UBND xã

16	Tỉ lệ dân số trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân đạt tối thiểu 60%		UBND xã
17	100% hệ thống thông tin của các cơ quan, đơn vị trước khi đưa vào sử dụng phải xây dựng hồ sơ đề xuất cấp độ và triển khai phương án bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ	UBND xã	
18	100% cán bộ, công chức, viên chức được tập huấn, bồi dưỡng cơ bản về kỹ năng số, an toàn thông tin.	UBND xã	